

#0152 - #0251 城都地方 Phō khì bong 大表

本頁面資料、是由 phokhibong.com 作者本人完成、tī 2024年8月7日公開 tī 面冊對囡仔講台語社團 [水頭](#) 有做小掛調整。日本語、英語、新舊中國語（舊 ê 勸下脚）、lóng 勸起來 hō 逐家比較、查詢。
圖ICON是對 [PokéSprite](#) 來e.

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0152		芝果李仔	Chi kó lí á	チコリータ	Chikorita	菊草葉
#0153		月桂葉	Goát kùi hiòh	ベイリーフ	Bayleef	月桂葉
#0154		大風露	Tōa hong lõ	メガニウム	Meganium	大竺葵
#0155		火嵐	Hé lâm	ヒノアラシ	Cyndaquil	火球鼠
#0156		炎嵐	lâm lâm	マグマラシ	Quilava	火岩鼠
#0157		風火霸	Hong hé pà	バクフーン	Typhlosion	火暴獸
#0158		鱧魚栽	Khók hī chai	ワニノコ	Totodile	小鋸鱧
#0159		鱧魚豚	Khók hī thūn	アリゲイツ	Croconaw	藍鱧
#0160		大王鱧魚	Tāi ông khók hī	オーダイル	Feraligatr	大力鱧
#0161		尾立	Bé khiā	オタチ	Sentret	尾立

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0162		大尾立	Tōa bé khiä	オオタチ	Furret	大尾立
#0163		府府	Hú hú	ホーホー	Hoothoot	咕咕
#0164		夜孤黃	lā kō' ŋg	ヨルノズク	Noctowl	貓頭夜鷹
#0165		金龜仔	Kim ku á	レディバ	Ledyba	芭瓢蟲
#0166		金龜紅	Kim ku âng	レディアン	Ledian	安瓢蟲
#0167		絲仔丸	Si á oân	イトマル	Spinarak	圓絲蛛
#0168		拉夯道士	Lâ giâ tô sū	アリアドス	Ariados	阿利多斯
#0169		叉仔夜婆	Chhe á iā pô	クロバット	Crobat	叉字蝠
#0170		提燈	Thê teng	チョンチー	Chinchou	燈籠魚
#0171		蘭燈	Lân teng	ランターン	Lanturn	電燈魚
#0172		皮鼠	Phî chhiú	ピチュー	Pichu	皮丘
#0173		皮	Phî	ピィ	Cleffa	皮寶寶
#0174		凸凸奶	Phòng phòng leng	プブリン	Igglybuff	寶寶丁
#0175		土雞丕	Thó ke phí	トゲピー	Togepi	波克比

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0176		土雞雀	Thố ke chhek	トゲチック	Togetic	波克基古
#0177		那雉	Ná thī	ネイティ	Natu	天然雀
#0178		那雉鷗	Ná thī ơ	ネイティオ	Xatu	天然鳥
#0179		咪立羊	Me lĩp iú ⁿ	メリープ	Mareep	咩利羊
#0180		毛厚厚	Mơ kâu kâu	モココ	Flaaffy	茸茸羊
#0181		電龍	Tiān lîong	デンリュウ	Ampharos	電龍
#0182		美麗花	Bí lê hoe	キレイハナ	Bellossom	美麗花
#0183		瑪璃	Má lĩ	マリル	Marill	瑪力露
#0184		瑪琉璃	Má liú lĩ	マリルリ	Azumarill	瑪力露麗
#0185		編樹仔	Pián chhiū á	ウソッキー	Sudowoodo	樹才怪
#0186		蝶仔殿下	Lê á tiān hā	ニョロトノ	Politoed	蚊香蛙皇
#0187		跳葉仔只	Thiàu hióh á chí	ハネッコ	Hoppip	毬子草
#0188		蒲蒲仔只	Phồ phồ á chí	ポポッコ	Skiploom	毬子花
#0189		綿綿仔只	Mĩ mĩ á chí	ワタッコ	Jumpluff	毬子棉

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0190		手蹄仔猴	Chhiú tê á kâu	エイパム	Aipom	長尾怪手
#0191		日頭種子	Jít thâu chéng chí	ヒマナッツ	Sunkern	向日種子
#0192		日頭黃花	Jít thâu ŋg hoe	キマフリ	Sunflora	向日花怪
#0193		田田嬰	Chhân chhân i ⁿ	ヤンヤンマ	Yanma	蜻蜻蜓
#0194		雨帕	Ú phà	ウパー	Wooper	烏波
#0195		沼王	Chiáu ông	ヌオー	Quagsire	沼王
#0196		日時伊	Jít sî i	エーフィ	Espeon	太陽伊布
#0197		暗暝伊	Àm mî i	ブラッキー	Umbreon	月亮伊布
#0198		暗鴉	Àm a	ヤミカラス	Murkrow	黑暗鴉
#0199		阿鈍王	A tūn ông	ヤドキング	Slowking	呆呆王
#0200		夢魔	Băng mô	ムウマ	Misdreavus	夢妖
#0201		尪朗	Ang lóng	アンノーン	Unown	未知圖騰
#0202		按呢生	Án ne si ⁿ	ソーナンス	Wobbuffet	果然翁
#0203		麒麟奇	Kî lîn kî	キリンリキ	Girafarig	麒麟奇

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0204		櫟柴雷	Lék chhâ lûi	クヌギダマ	Pineco	榛果球
#0205		護林多士	Hō lîm to sū	フォレトス	Forretress	佛烈托斯
#0206		槌槌	Thúi thúi	ノコッチ	Dunsparce	土龍弟弟
#0207		趨趨蠍仔	Chhu Chhu giat á	グライガー	Gligar	天蠍
#0208		鋼尾鯁	Khg bé liu	ハガネール	Steelix	大鋼蛇
#0209		母呂	Bú lū	ブルー	Snubbull	布魯
#0210		大母呂	Tōa bú lū	グランブル	Granbull	布魯皇
#0211		千刺歸	Chhian chhì kui	ハリーセン	Qwilfish	千針魚
#0212		夾仔草猴	Ngeh á chháu kâu	ハッサム	Scizor	巨鉗螳螂
#0213		壺壺	Ô ô	ツボツボ	Shuckle	壺壺
#0214		龜仔力士	Ku á lèk sū	ヘラクロス	Heracross	赫拉克羅斯
#0215		鼬拉	lū la	ニューラ	Sneasel	狽拉
#0216		公主熊	Kong chú hîm	ヒメグマ	Teddiursa	熊寶寶
#0217		圓吝熊	îⁿ lîn hîm	リングマ	Ursaring	圈圈熊

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0218		岩漿軟蜞	Gâm chiu ⁿ nńg khĩ	マグマッグ	Slugma	熔岩蟲
#0219		岩漿露螺	Gâm chiu ⁿ lõ lê	マグカルゴ	Magcargo	熔岩蝸牛
#0220		山豬仔子	Soa ⁿ ti á kiá ⁿ	ウリムー	Swinub	小山豬
#0221		崁頭山豬	Khàm thâu soa ⁿ ti	イノムー	Piloswine	長毛豬
#0222		日頭老古	Jĩt thâu ló kó	サニーゴ	Corsola	太陽珊瑚
#0223		鐵砲仔魚	Thih phàu á hĩ	テッポウオ	Remoraïd	鐵炮魚
#0224		石距桶	Chiòh kũ tháng	オクタン	Octillery	章魚桶
#0225		配達鳥	Phòe tát chiáu	デリバード	Delibird	信使鳥
#0226		蚊塔魚	Báng thah hĩ	マンタイン	Mantine	巨翅飛魚
#0227		鐵甲鳥	Thih kah chiau	エアームド	Skarmory	盔甲鳥
#0228		力如匕	Lék jũ pí	デルビル	Houndour	戴魯比
#0229		嚇如牙	Hek jũ gâ	ヘルガー	Houndoom	黑魯加
#0230		王龍	Ông lêng	キングドラ	Kingdra	刺龍王
#0231		細隻象	Sòe chiah chhiũ ⁿ	ゴマゾウ	Phanpy	小小象

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0232		擋巷	Tòng hăng	ドンファン	Donphan	頓甲
#0233		多角鱗2	To kak gōng 2	ポリゴン2	Porygon2	多邊獸 II
#0234		生驚鹿仔	Chhi" kia" lók á	オドシシ	Stantler	驚角鹿
#0235		可丕狗仔	Khó phi káu á	ドーブル	Smeargle	圖圖犬
#0236		巴落去	Pa lòh khi	バルキー	Tyrogue	無畏小子
#0237		脚埔演人	Kha pō ián lāng	カポエラー	Hitmontop	戰舞郎
#0238		吻笑女	Bún chhiò lú	ムチュール	Smoochum	迷唇娃
#0239		電仔丕	Tiān á phí	エレキッド	Elekid	電擊怪
#0240		火母咪仔	Hóe bú bí á	プビィ	Magby	鴨嘴寶寶
#0241		牛奶桶庫	Gû leng thàng khò	ミルタンク	Miltank	大奶罐
#0242		福氣个	Hok Khi ê	ハピナス	Blissey	幸福蛋
#0243		雷公	Lûi kong	ライコウ	Raikou	雷公
#0244		炎帝	lâm tè	エンテイ	Entei	炎帝
#0245		水君	Súi kun	スイクン	Suicune	水君

No.	?	?????	Pe?h-?e-j?	???	English	???
#0246		幼義拉須	lù gī la su	ヨーギラス	Larvitar	幼基拉斯
#0247		沙那義拉須	Sa ná gī la su	サナギラス	Pupitar	沙基拉斯
#0248		蠻義拉須	Bân gī la su	バンギラス	Tyranitar	班基拉斯
#0249		呂義亞	Lū gī a	ルギア	Lugia	洛奇亞
#0250		鳳王	Hōng ông	ホウオウ	Ho-Oh	鳳王
#0251		細璃米	Sè lê bí	セレビィ	Celebi	時拉比

以上。